

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2024.

V/v: "Xin ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Bà: Hà Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành D**, sinh ngày: 02/11/1984. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 26 đường Trần Thủ Độ, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 04 đường Đào Duy Từ, tổ 13, khu phố 7, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký

kết hôn tại UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/9/2004. Trong quá trình chung sống, giữa ông D và bà L không xảy ra mâu thuẫn và bất hòa gì mà bà L tự ý bỏ nhà đi từ năm 2020 cho đến nay, không quan tâm đến gia đình, ông D cho rằng bà L đã có người đàn ông khác. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị L.

Về con chung: Ông D xác nhận giữa ông và bà Trần Thị L quá trình chung sống có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 26/9/2003 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/9/2007, hiện đang sống cùng với ông D. Ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Nguyễn Quỳnh N đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác nhận giữa ông và bà Trần Thị L không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành D vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Bị đơn bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành D, chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà Trần Thị L. Do con chung Nguyễn Quỳnh A đang sống cùng ông D nên cần thiết giao con chung Nguyễn Quỳnh A cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Nguyễn Quỳnh N đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông D xác nhận không có, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Thành D khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị L có nơi địa chỉ ở số 04 đường Đào Duy Từ, tổ 13, khu phố 7, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà Trần Thị L là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/9/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông D khởi kiện xin ly hôn với bà L và đưa ra những lý do chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên tòa, ông D xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị L.

Bị đơn bà Trần Thị L đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do ông D cung cấp. Đồng thời, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà L đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà L đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, điều đó thể hiện việc bà L không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông D.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với bà Trần Thị L của ông Nguyễn Thành D.

[4] *Về con chung:* Ông Nguyễn Thành D xác nhận giữa ông và bà Trần Thị L có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 26/9/2003 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/9/2007, hiện đang sống cùng với ông D. Ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A. Xét thấy con chung hiện đang sống cùng với ông D, và tâm nguyện của con chung Nguyễn Quỳnh A là muốn được sống cùng với cha, nên cần thiết giao cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống. Riêng con chung tên Nguyễn Quỳnh N đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quỳnh A của ông Nguyễn Thành D.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông D xác định đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Thành D xác định giữa ông và bà Trần Thị L không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Thành D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thành D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành D được ly hôn với bà Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/9/2007 cho ông Nguyễn Thành D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu ông D gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu bà Trần Thị L cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp ông D không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Trần Thị L thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thành D xác định giữa ông và bà Trần Thị L không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ kiện này.

Nếu bà Trần Thị L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thành D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007235 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Ông Nguyễn Thành D đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (06/9/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhân:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh